

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14-02-2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thị Liễu

Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Như Quỳnh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn Th**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 32, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Việt Nam.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1985;

Địa chỉ liên hệ: Pháp.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và văn bản trình bày ý kiến, nguyên đơn ông **Ngô Văn Th** trình bày:

Ông và bà **Nguyễn Thị Ngọc S** tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 06/5/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009, Quyền số 01.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Đến giữa năm 2021 thì bà S đi xuất khẩu lao động tại Pháp, từ đó đến nay hai vợ

chồng ít liên lạc với nhau, tình cảm không còn nữa. Do đó, ông Th yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Thị Bảo Tr, sinh ngày 09/9/2006; Ngô Anh K, sinh ngày 15/11/2010. Khi ly hôn, vì hoàn cảnh kinh tế của ông Th đang khó khăn nên yêu cầu giao cháu K cho bà S nuôi dưỡng. Riêng Ngô Thị Bảo Tr đã trưởng thành nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Ông Th và bà S tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Ông Th xác nhận không có nợ chung.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18 tháng 12 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn Th có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2009, tại UBND phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc, nhưng về sau khi bà S đi lao động ở Pháp thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết. Hiện nay, không còn mối quan hệ tình cảm. Nay ông Th làm đơn xin ly hôn thì bà hoàn toàn đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn Th uy.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Ngô Thị Bảo Tr, sinh ngày 09/9/2006; Ngô Anh K, sinh ngày 15/11/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi Ngô Anh K. Không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Riêng Ngô Thị Bảo Tr đã trưởng thành nên bà S không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, được làm trên diện tích đất 125m², thửa đất số 184, tờ bản đồ số 186, địa chỉ tổ 78, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng do vợ chồng đứng tên. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản. Bà cam kết không tranh chấp gì về ngôi nhà và đất này.

Về nợ chung: Bà S xác nhận không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1] Nguyên đơn ông Ngô Văn Th cư trú tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S cư trú tại Pháp nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37; khoản 2 Điều 38 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Ngô Văn Th là nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ hợp lệ; đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, rút ngắn thời gian giải quyết và sớm đưa vụ án ra xét xử cho ông và bà Nguyễn Thị Ngọc S được ly hôn.

Bà Nguyễn Thị Ngọc S là bị đơn, có đăng ký HKTT tại: Tổ 32, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Việt Nam. Hiện đang ở tại: Pháp. Văn bản trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc S cùng các tài liệu, chứng cứ đã được hợp thức hoá tại Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của bà Nguyễn Thị Ngọc S nộp cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của bà S nhưng do công việc bận rộn nên đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228; khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc S tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 06/5/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 61/2009, Quyền số 01 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bà S đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, vợ chồng mỗi người sống một nơi, nên dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Đến nay, ông Th và bà S đều cùng xác định không còn tình cảm với nhau và đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn Th đối với bà Nguyễn Thị Ngọc S là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận 02 con chung tên là Ngô Thị Bảo Tr, sinh ngày 09/9/2006; Ngô Anh K, sinh ngày 15/11/2010. Theo yêu cầu của ông Th và được sự đồng ý của bà S, nguyện vọng của cháu Ngô Anh K, HĐXX giao Ngô Anh K cho bà Nguyễn Thị Ngọc S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành. Riêng cháu Ngô Thị Bảo Tr đã trưởng thành nên ông Th và bà S không có yêu cầu. Do bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn ông Ngô Văn Th phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: vào Điều 56, 81, 82, 83, 122, 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 228, Điều 464, Điều 469 và Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn Th đối với bà Nguyễn Thị Ngọc S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Ngô Văn Th được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Ngô Anh K, sinh ngày 15/11/2010 cho bà Nguyễn Thị Ngọc S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc trưởng thành. Ông Ngô Văn Th không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Ngô Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007749 ngày 25-10-2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Ông Ngô Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, bà Nguyễn Thị Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THA DS Tp. Đà Nẵng;
- UBND P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn